

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 tháng 02 năm 2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Đoàn Văn Quang

2). Bà Lê Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tân C, sinh năm: xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2005, chị và anh C quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với gia đình chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn, do anh C cờ bạc và đi làm không đưa tiền lo cho vợ con, anh C đi ăn nhậu về nhà kiểm chuyện cãi nhau với chị, có khi còn đánh chị. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh C không thay đổi nên từ đầu năm 2020, chị và anh C không còn chung sống cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được

ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn V, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo N, sinh ngày xx/x/xxxx hiện đang sống chung với anh C. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N, đồng ý giao cháu V cho anh C nuôi theo nguyện vọng của con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Tấn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, quá trình tố tụng anh C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về nguyên nhân, điều kiện tiền đến hôn nhân nơi vợ chồng chung sống.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ có mâu thuẫn với mẹ và chị của anh, anh cũng có thời gian ăn nhậu không quan tâm gia đình. Nay anh nhận thấy vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung. Nếu phải ly hôn, anh C đồng ý nuôi cháu V và giao cháu N cho chị Nguyễn Thị Phương N được trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị N có mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Tấn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 03, ngày 17 tháng 01 năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh C chơi cờ bạc, không chịu lo làm ăn để lo cho vợ con, thường xuyên ăn nhậu, có hành vi bạo lực gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã được Tòa án nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh C có hành vi bạo lực gia đình, không lo làm việc lo cho vợ con làm cho hôn nhân anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Tấn V, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo N, sinh ngày xx/x/xxxx. Ly hôn, chị N và anh C thống nhất giao cháu Nguyễn Bảo Ngọc cho chị N, giao cháu V cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sống hiện nay của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị N, anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do các bên chưa có yêu cầu. Chị N, anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Tấn C.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Tấn V, sinh ngày xx/x/xxxx cho anh Nguyễn Tấn C được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Nguyễn Thị Phương N được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Tấn C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương N nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018060 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã T, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ